CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

Ngày 31/12/2025	26,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.9%	**-2.8%**	**-**

DT thuần
Q4/25
8,506
tỷ VNĐ
QoQ: ▼788| -8.5%
YoY: ▼795| -8.6%

LN thuần
Q4/25
1,414
tỷ VNĐ
QoQ: ▼746| -34.5%
YoY: ▼1,018| -41.9%

LN sau thuế
Q4/25
1,136
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,051| -48.1%
YoY: ▼1,262| -52.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
26.5%
YoY: +/-▲ 3.8%

ROE
2025
9.1%
YoY: +/-▲ 2.1%

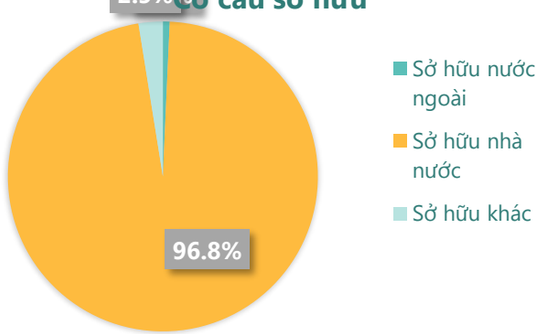
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	21,986 - 34,459
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	104,800
Số lượng CPLH (CP)	4,000,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,742,635
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.89
EPS	1,382
P/E	19.0

DT thuần
2025
29,367
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,125| 11.9%

LN thuần
2025
6,282
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,542| 32.5%

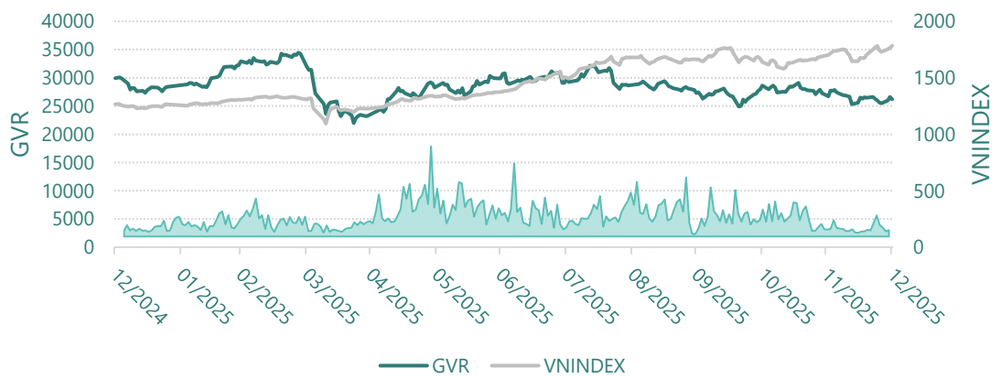
LN sau thuế
2025
6,258
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,431| 29.7%

Cơ cấu sở hữu

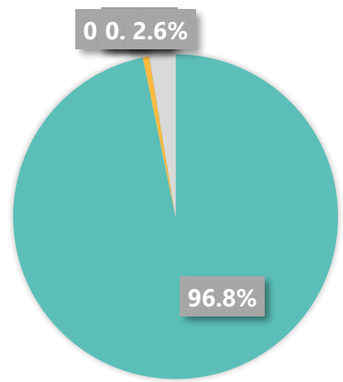


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

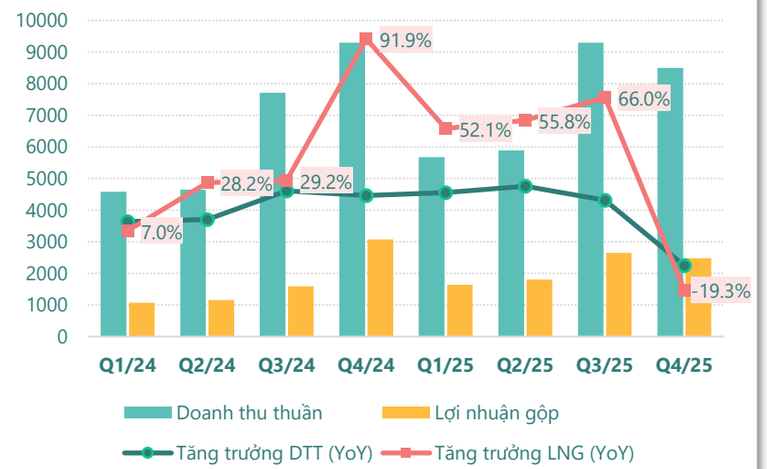


- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp
- CTCP Xây dựng Incontec
- Nguyễn Cửu Tuệ
- Phạm Văn Thành
- Trần Ngọc Thuận
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

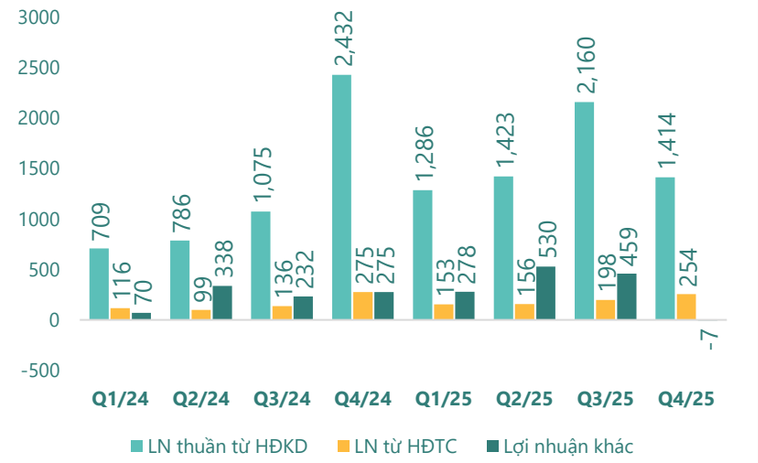
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



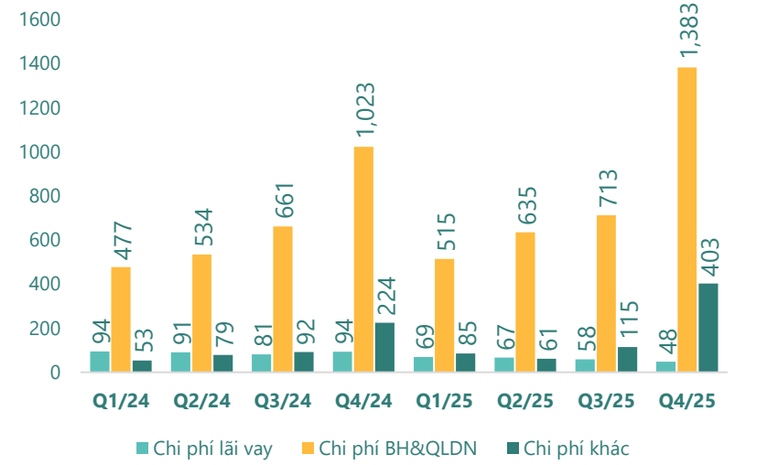
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



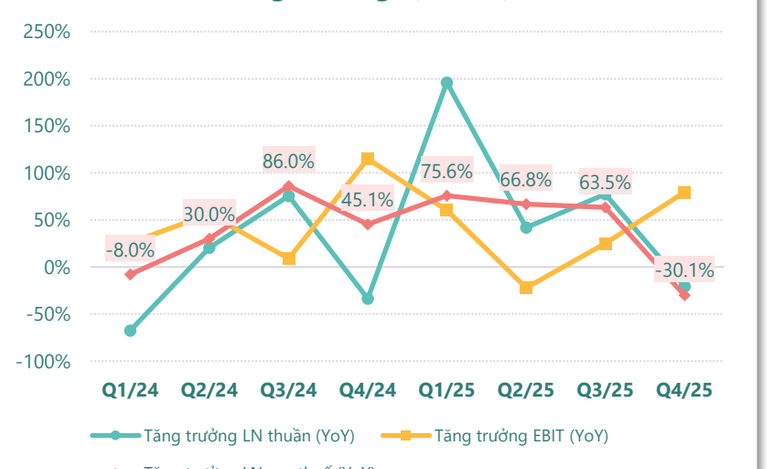
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



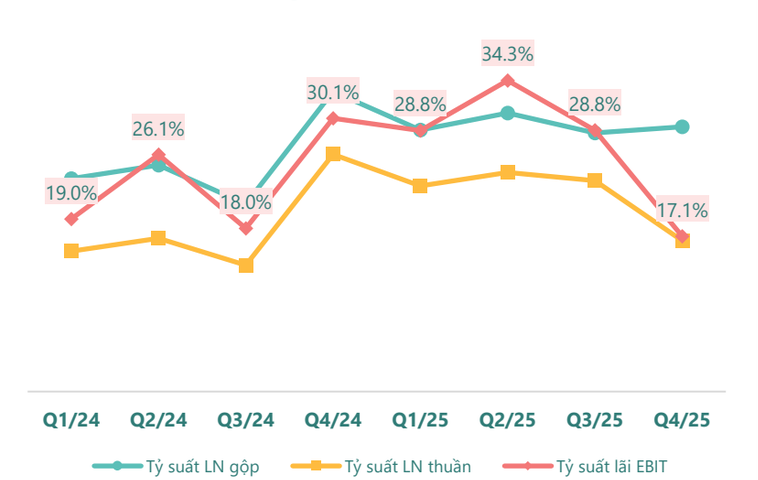
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



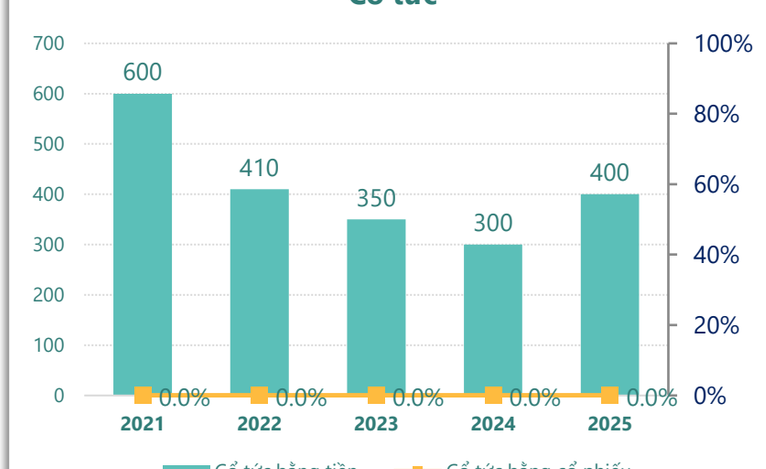
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

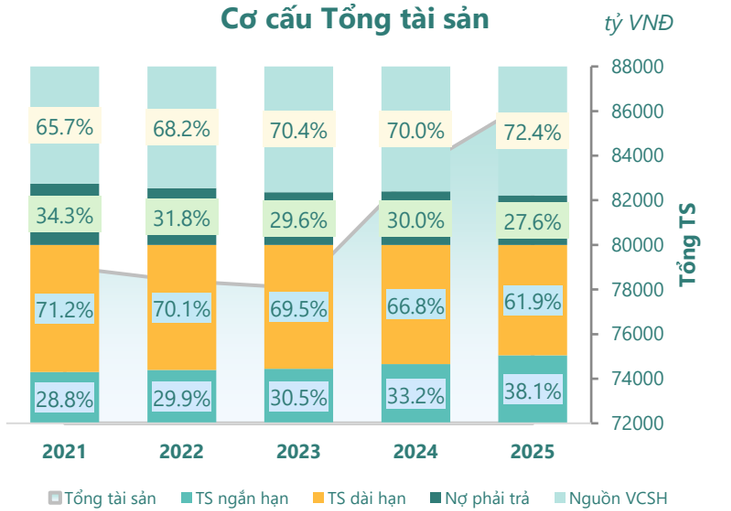
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

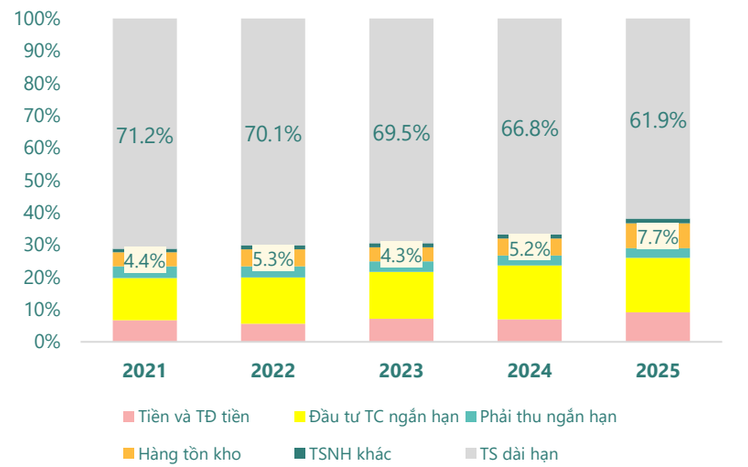
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



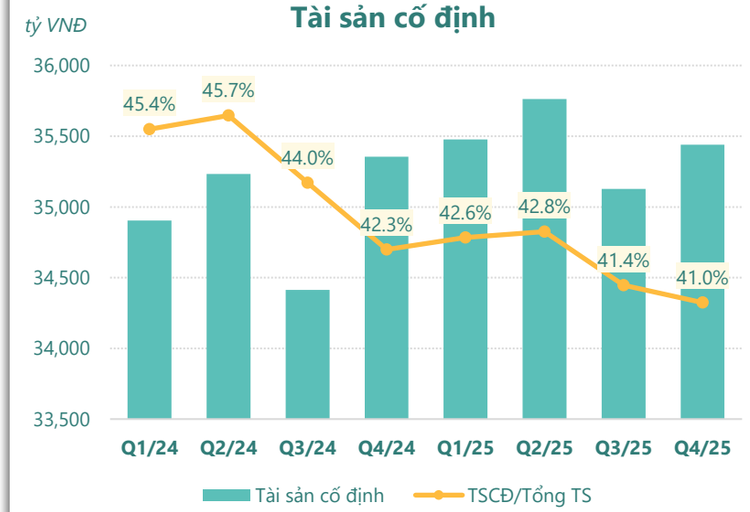
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



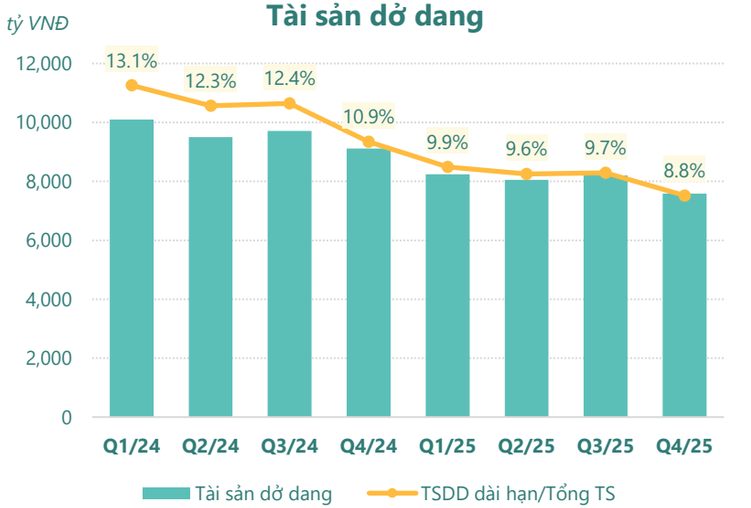
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



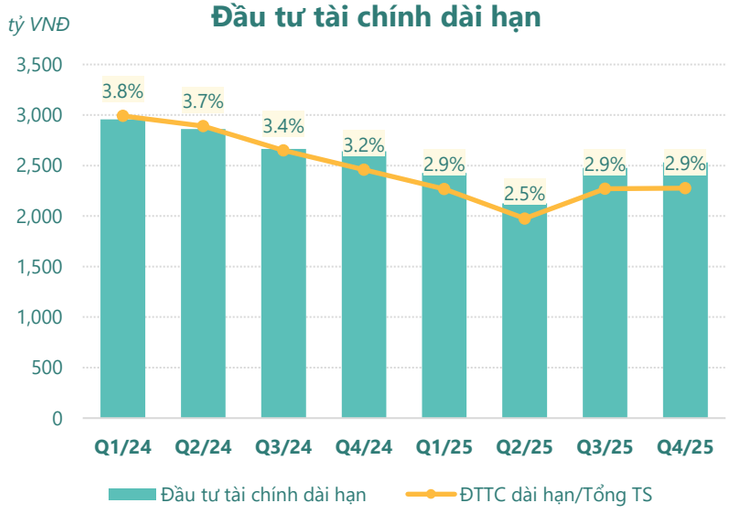
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



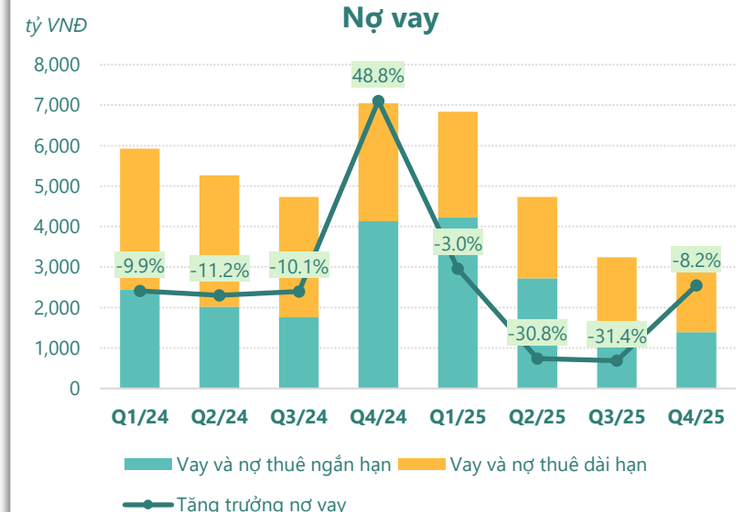
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

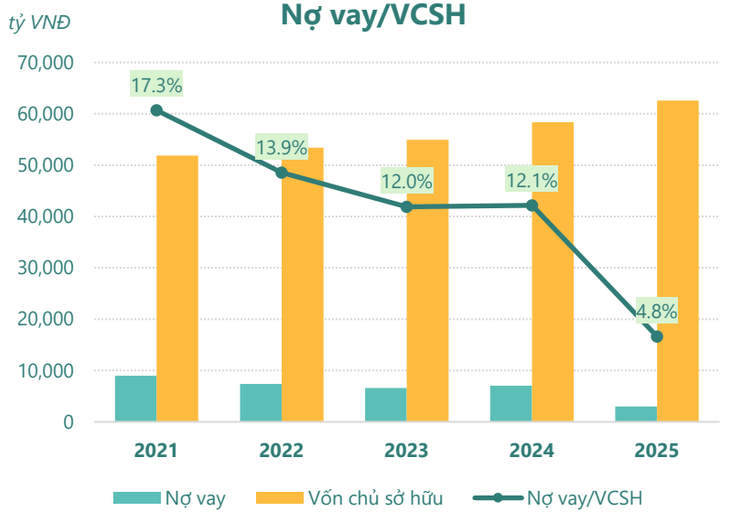
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

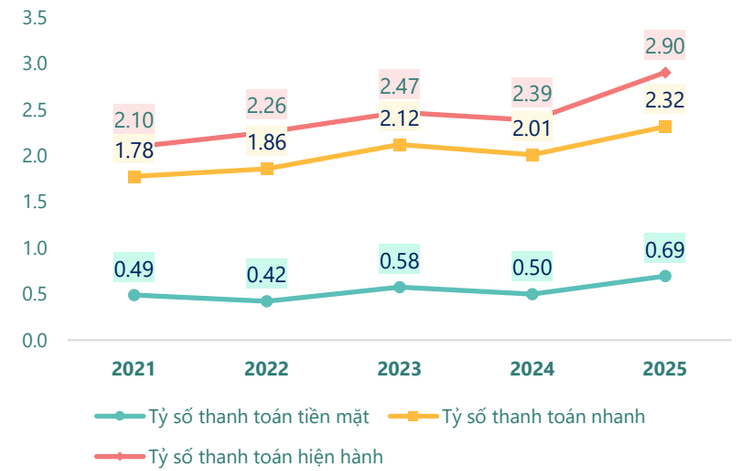
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



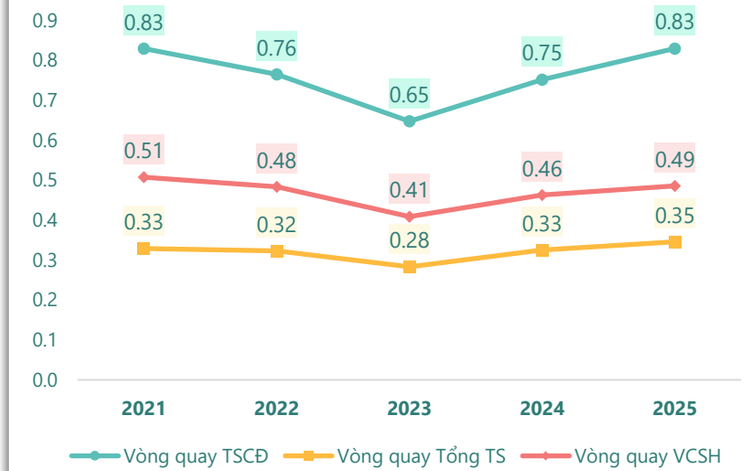
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



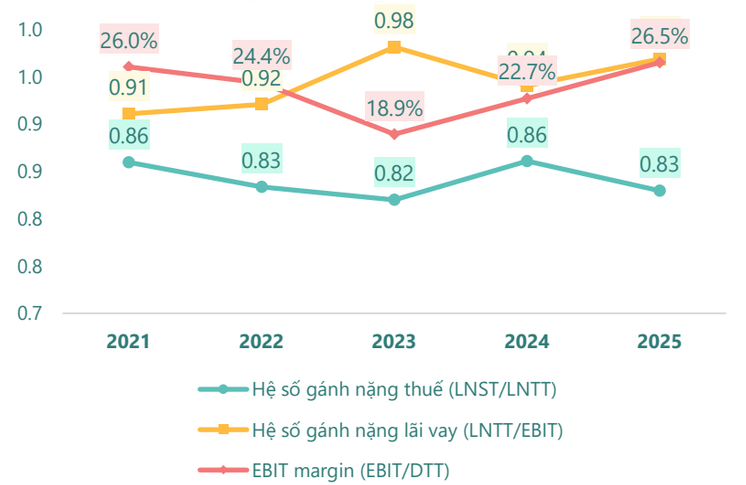
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



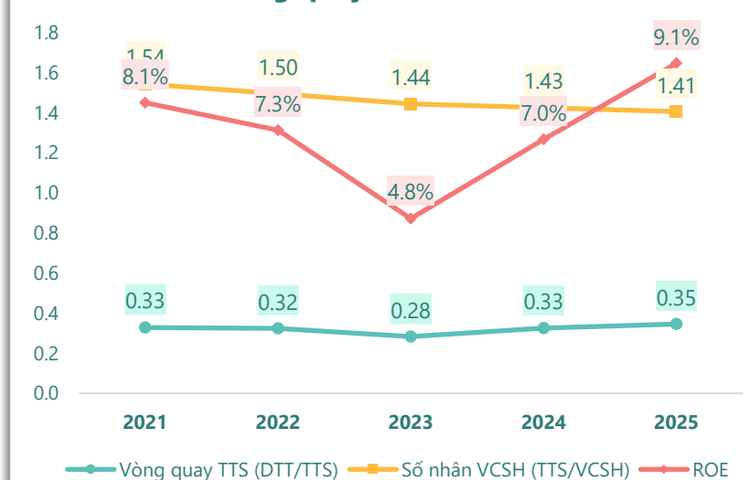
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



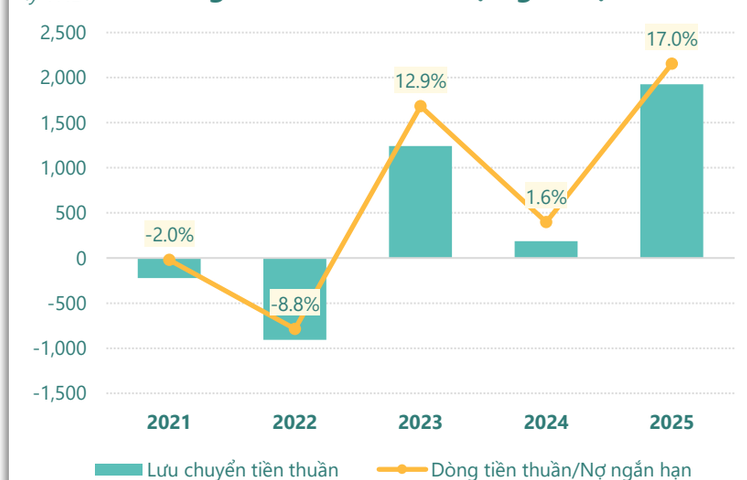
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8,506**	**9,301**	**-8.6%**	**29,367**	**26,242**	**11.9%**
Giá vốn hàng bán	6,023	6,225	-3.2%	20,791	19,277	7.9%
Lợi nhuận gộp	2,482	3,076	-19.3%	8,576	6,965	23.1%
Doanh thu HĐTC	336	378	-11.2%	1,074	957	12.2%
Chi phí TC	81.3	103	-21.0%	312	465	-32.9%
Chi phí lãi vay	48.5	93.8	-48.3%	243	353	-31.2%
LN trong công ty LKLD	**59.6**	**104**	**-42.7%**	**190**	**162**	**17.2%**
Chi phí bán hàng	154	186	-17.2%	485	554	-12.5%
Chi phí QLDN	**1,229**	**837**	**46.8%**	**2,759**	**2,325**	**18.7%**
LN thuần từ HĐKD	1,414	2,432	-41.9%	6,282	4,740	32.5%
Lợi nhuận khác	**-6.60**	**275**	**-102%**	**1,261**	**867**	**45.5%**
LN trước thuế	1,407	2,707	-48.0%	7,543	5,606	34.5%
Lợi nhuận sau thuế	**1,136**	**2,398**	**-52.6%**	**6,258**	**4,827**	**29.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1,001**	**1,973**	**-49.3%**	**5,530**	**3,989**	**38.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4,020	-1,792	-555	1,236	3,667	2,487
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,658	-244	252	1,065	39.5	-174
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-524	2,312	-206	-2,263	-1,946	-1,676
Tiền đầu kỳ	4,204	5,861	5,779	5,299	5,546	7,488
Lưu chuyển tiền thuần	**1,839**	**276**	**-510**	**38.5**	**1,760**	**637**
Ảnh hưởng tỷ giá	-182	49.2	30.0	209	182	-239
Tiền cuối kỳ	5,861	6,187	5,299	5,546	7,488	7,887

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**86,514**	**83,384**	**3.8%**
Tài sản ngắn hạn	32,961	27,670	19.1%
Tiền và tương đương tiền	7,887	5,779	36.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14,563	13,952	4.4%
Phải thu ngắn hạn	2,588	2,539	1.9%
Hàng tồn kho	6,672	4,352	53.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1,251	1,048	19.4%
Tài sản dài hạn	**53,553**	**55,713**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	498	608	-18.0%
Tài sản cố định	35,440	35,337	0.3%
Bất động sản đầu tư	1,246	1,287	-3.2%
Tài sản dở dang	7,589	9,067	-16.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,530	2,688	-5.9%
Tài sản dài hạn khác	**6,250**	**6,559**	**-4.7%**
Lợi thế thương mại	0	168	-100%
Nợ phải trả	23,913	24,987	-4.3%
Nợ ngắn hạn	**11,353**	**11,594**	**-2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,391	4,075	-65.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	974	990	-1.6%
Nợ dài hạn	12,560	13,392	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,586	2,964	-46.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**62,601**	**58,397**	**7.2%**
Vốn chủ sở hữu	**62,553**	**58,344**	**7.2%**
Vốn điều lệ	40,000	40,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**48.5**	**53.5**	**-9.3%**

(Nguồn: fireant.vn)